

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2012/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 07 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về tổ chức, xây dựng và bảo đảm một số chế độ, chính sách
đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013-2015**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 11 năm 2004;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2010 của liên bộ: Quốc phòng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác Dân quân tự vệ;

Xét Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê chuẩn Đề án tổ chức xây dựng và bảo đảm một số chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 - 2015; Báo cáo thẩm tra số 29 ngày 30/11/2012 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Đề án Tổ chức, xây dựng và bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ (DQTV) trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 - 2015 gồm những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

- Xây dựng lực lượng DQTV có số lượng phù hợp, duy trì tỷ lệ DQTV đạt 1,5% so dân số; tổ chức biên chế gọn hợp lý, chặt chẽ; trang bị vũ khí phù hợp; lấy chất lượng chính trị và độ tin cậy làm cơ sở, đến năm 2015 tỷ lệ đảng viên đạt 25% trở lên, Chi bộ Quân sự cấp xã có cấp ủy đạt 50% trở lên.

- Hàng năm 100% cơ sở DQTV, 90% trở lên cán bộ, chiến sỹ DQTV được được giáo dục chính trị, pháp luật và huấn luyện quân sự theo phân cấp, nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy, lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, chính quyền và tính mạng, tài sản nhân dân ở địa phương, cơ sở.

- Phần đầu đến năm 2015, có 95% trở lên Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự (CHQS) cấp xã được đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

- Bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách, trang phục, nơi làm việc, trực cho lực lượng DQTV theo Luật Dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn thi hành để phát huy khả năng bảo đảm tại chỗ, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng DQTV. Tùy tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương, hàng năm ngân sách tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn, từng bước đầu tư xây dựng nhà, trụ sở làm việc cho Ban CHQS cấp xã và lực lượng Dân quân thường trực của 34 xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh theo hướng gắn liền với trụ sở làm việc của chính quyền cấp xã.

2. Tổ chức, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ

a. Cấp tỉnh: Tỷ lệ DQTV đạt 1,5% so với dân số; tỷ lệ DQTV luân phiên hàng năm đạt từ 20% đến 25% so với tổng số lực lượng.

b. Cấp huyện: Tỷ lệ DQTV đạt từ 1,23% - 1,57% so với dân số; đối với các huyện miền núi đạt tỷ lệ 2,5% so với dân số.

Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu trên giao và tình hình thực tế của địa phương, ủy quyền Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DQTV cho các huyện, thị xã, thành phố.

c. Cấp xã:

Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 02/7/2010 của Bộ Quốc phòng và yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của từng địa phương để xây dựng tỷ lệ dân quân cho từng xã, phường, thị trấn, bảo đảm đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chú trọng củng cố xây dựng lực lượng DQTV những nơi có tình hình an ninh chính trị phức tạp; không dàn đều, không để cơ sở “trắng” DQTV; ở những xã dân số ít, địa bàn rộng, thuộc vùng trọng điểm cần tăng cường công tác quốc phòng thì xây dựng tỷ lệ dân quân cao hơn.

d. Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

Đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nếu có tổ chức đảng, hoạt động sản xuất kinh doanh từ 12 tháng trở lên, có quy mô 50 lao động trở lên phải tổ chức lực lượng tự vệ. Tỷ lệ xây dựng lực lượng tự vệ được tính trên tổng số lao động đã được ký hợp đồng từ 06 tháng trở lên và trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV; tỷ lệ và số lượng lực lượng tự vệ cụ thể được quy định theo Điều 9, Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 02/7/2010 của Bộ Quốc phòng.

Tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban CHQS và lực lượng tự vệ cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan bộ, ngành Trung ương hoạt động trên địa bàn theo Luật DQTV.

3. Chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ

a. Chế độ phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng

Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,5 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức do Chính phủ quy định.

b. Mức trợ cấp ngày công lao động đối với Dân quân

- Dân quân khi huy động làm nhiệm vụ theo quy định được hưởng trợ cấp ngày công lao động bằng hệ số 0,08 mức lương tối thiểu chung; riêng đối với Dân quân

biển được hưởng trợ cấp ngày công lao động bằng hệ số 0,12 mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định.

- Dân quân nông cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia thực hiện nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định chung, khi được huy động làm nhiệm vụ được hưởng trợ cấp ngày công lao động tăng thêm bằng hệ số 0,04 mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định.

c. Mức hỗ trợ tiền ăn và chi phí đi lại đối với Dân quân

- Dân quân khi làm nhiệm vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày, bố trí ăn ở tập trung thì được hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu, xe một lần đi, về; hỗ trợ tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ bộ binh phục vụ có thời hạn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tại cùng thời điểm.

- Dân quân khi được huy động làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhưng chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 42, 43 Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ trong thời gian điều trị tại các cơ sở y tế được trợ cấp tiền ăn cơ bản như chiến sỹ bộ binh phục vụ có thời hạn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tại cùng thời điểm, nhưng không quá 30 ngày cho một lần chữa bệnh.

Các chế độ chính sách khác đối với Dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 58/2010/NĐ-CP, các thông tư hướng dẫn thi hành Luật DQTV và các văn bản quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Nguồn kinh phí bảo đảm

Thực hiện theo Điều 52, Luật Dân quân tự vệ; Điều 47, Nghị định số 58/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 13, Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC của liên bộ: Quốc phòng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ và Tài chính.

Kinh phí thực hiện Đề án được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác có liên quan. Hằng năm, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện công tác

Dân quân tự vệ theo phân cấp ngân sách nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh cần xác định thứ tự ưu tiên các công việc để xây dựng lộ trình thực hiện cho phù hợp, bảo đảm nguyên tắc tăng trưởng kinh tế, xã hội đi đôi với củng cố quốc phòng - an ninh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2012; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Quốc phòng;
- Ban Công tác Đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tư lệnh Quân khu 5;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư Pháp; các sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP ĐBQH&HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT. Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

 **CHỦ TỊCH**
Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Thanh Tùng